

Số: /UBND-THKH
V/v dự kiến những nội dung
trình HĐND tỉnh xem xét, ban
hành Nghị quyết năm 2024.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 753/HĐND-TT ngày 08/11/2023 về việc dự kiến những nội dung trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết năm 2024; trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan và dự kiến Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh; UBND tỉnh báo cáo danh mục những nội dung dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết năm 2024, cụ thể như sau:

1. Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

a) Căn cứ ban hành Nghị quyết: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hoá.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024; quyết nghị các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2025.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 12 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Nguồn lực nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp và của toàn xã hội.

2. Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025

a) Căn cứ ban hành Nghị quyết: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đầu tư công 2019; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày

08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; các Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; các văn bản khác có liên quan.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư và đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Phê duyệt danh mục, mức vốn đầu tư công năm 2024 cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, làm cơ sở để các chủ đầu tư và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 12 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý.

3. Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

a) Căn cứ ban hành Nghị quyết: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; các Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; các văn bản khác có liên quan.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư và đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Điều chỉnh danh mục, mức vốn của một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 do tỉnh quản lý.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Căn cứ tình hình

thực tế, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn của các dự án đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tại các kỳ họp HĐND tỉnh năm 2024.

d) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý.

4. Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2023

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Quy định tại Khoản 3 Điều 30 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13: HĐND các cấp quyết định phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố sử dụng ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Quyết định phê chuẩn quyết toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố sử dụng ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 12 năm 2024.

5. Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13: HĐND các cấp quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, dự toán chi ngân sách địa phương và tổng mức vay của ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 12 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Căn cứ nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách được Trung ương giao và tình hình thực tế tại địa phương.

6. Nghị quyết về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Quy định tại Khoản 2

Điều 30 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13: HĐND các cấp quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Quyết định tổng số thu NSNN, chi ngân sách địa phương; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của từng cơ quan đơn vị thuộc cấp tỉnh; mức bổ sung cho ngân sách cấp huyện năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 12 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Căn cứ nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách được Trung ương giao và tình hình thực tế tại địa phương.

7. Nghị quyết về việc ban hành quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:*

+ Quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*

+ Quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính: *Các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.*

- *Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết:* Đảm bảo công tác lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được triển khai thống nhất đảm bảo theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Quy định về định mức xây dựng dự toán Ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý I năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

8. Nghị quyết về việc ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ ban hành Nghị quyết:* Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định: UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất.

- *Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết:* Nhằm xác định giá đất theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với mục đích sử dụng đất phù hợp với giá phổ biến trên thị trường và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các tuyến đường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được xây dựng giá đất tại Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 và Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tại bảng giá đất theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 và Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý IV năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Nguồn ngân sách nhà nước.

9. Nghị quyết về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:*

+ Tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và Lệ phí quy định: “...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí”.

+ Tại khoản 4 Điều 10 Luật Phí và Lệ phí quy định: “...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.

+ Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội

đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định: “*Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương...*”

+ Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 16486/UBND-KSTTHCNC ngày 01/11/2023; theo đó, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi nội dung liên quan đến miễn, giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến đã được quy định tại Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 theo hướng kéo dài thời gian thực hiện đến năm 2025 để khuyến khích người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- *Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết:* Hiện nay, các mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đang được áp dụng theo Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số nội dung của Nghị quyết ban hành chưa phù hợp với quy định hiện hành và chỉ đạo của Chính phủ nên cần phải sửa đổi, điều chỉnh Nghị quyết cho phù hợp.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:* Sửa đổi, điều chỉnh một số loại phí, lệ phí đang áp dụng tại Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết:* Ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua:* Quý II năm 2024.

10. Nghị quyết ban hành định mức chi cho công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:*

- *Căn cứ pháp lý:* Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Chuyển giao Công nghệ; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Căn cứ Thông tư số

02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- *Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:* Thực tế hiện nay, một số nội dung phục vụ công tác quản lý về khoa học và công nghệ chưa có định mức chi, như: (1) Chi cho các hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh Thanh Hóa; (2) Chi cho các hoạt động điều tra, thu thập, thống kê và xây dựng Báo cáo chuyên đề phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; (3) Chi cho các hoạt động thẩm định về công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Do đó, việc Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về nội dung và mức chi cụ thể để thực hiện có hiệu quả, phù hợp với đặc thù lĩnh vực Khoa học và Công nghệ của tỉnh Thanh Hóa.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:* Áp dụng đối với cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ; cơ quan chuyên môn quản lý về tài chính, ngân sách nhà nước; Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, Hội đồng Khoa học và Sáng kiến tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết:* Ban hành định mức chi cho hoạt động quản lý nhà nước khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua:* Quý II năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành:* Nguồn sự nghiệp Khoa học và Công nghệ trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

11. Nghị quyết ban hành chính sách khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; thành tích cao tại các kỳ thi (cuộc thi) quốc gia, quốc tế thuộc các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật, báo chí tỉnh Thanh Hóa (thay thế Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh)

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:*

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022; Luật Thể dục, Thể thao ngày 05/12/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, Thể thao ngày 14/6/2018; Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07

tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu; Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế; Quyết định số 4901/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 Ban hành quy định xét tặng danh hiệu “Vì sự phát triển Thanh Hóa”; Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Ban hành Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa;

- *Sự cần thiết:* Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh mặc dù đạt được kết quả quan trọng nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, khó khăn cần khắc phục. Để đảm bảo chính sách mới được thực hiện đồng bộ ngay sau khi Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2024); do đó, cần thiết phải xây dựng chính sách mới thay thế chính sách quy định tại Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 01/4/2022, Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 2335-CV/TU, ngày 03/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 16399/UBND-THKH, đồng ý với đề xuất của Sở Nội vụ, lùi thời gian báo cáo sửa đổi Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thế giới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao, giải thưởng về khoa học và công nghệ, văn học - nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cho đến khi có Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ quy định, chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022.

b) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thế giới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Ban hành chính sách khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; thành tích cao tại các kỳ thi (cuộc thi) quốc gia, quốc tế thuộc các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật, báo chí tỉnh Thanh Hóa, thay thế chính sách được phê duyệt tại Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý III năm 2024;

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Từ nguồn thi đua, khen thưởng của tỉnh hằng năm.

12. Nghị quyết về giao biên chế tỉnh Thanh Hóa năm 2025

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về biên chế các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022 – 2025; Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về quản lý biên chế khối Đảng, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và khối chính quyền tỉnh Thanh Hóa; Quyết định giao biên chế hàng năm của Ban Tổ chức Trung ương và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.

- *Sự cần thiết:* Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả biên chế được giao, làm cơ sở cho việc quản lý, sử dụng, tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo theo quy định, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan hành chính nhà nước; các cơ quan khối đảng, đoàn thể; các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên).

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Giao biên chế tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý IV năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Ngân sách nhà nước cấp.

13. Nghị quyết về tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2025

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị;

- Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương; phát huy, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội;

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

- Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho nhân dân.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2025.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 4 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Nguồn lực, điều kiện từ ngân sách địa phương đảm bảo.

14. Nghị quyết về số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Luật Doanh nghiệp năm 2020); Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Luật BHYT năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHYT năm 2014; Luật Công an nhân dân năm 2018; Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố; Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về xây dựng Công an xã chính quy; Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- *Sự cần thiết:* Ngày 10/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, Nghị định đã quy định một số nội dung mới so với quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ, như: (1) Về số lượng: quy định tính theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã (như hiện nay) và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở

cấp xã tăng thêm tính theo diện tích tự nhiên, quy mô dân số; (2) Về thẩm quyền giao số lượng: quy định HĐND tỉnh quyết định giao số lượng đối với từng ĐVHC cấp huyện; UBND cấp huyện quyết định giao số lượng đối với từng ĐVHC cấp xã (giao hàng năm); (3) Về chế độ, chính sách: quy định tăng phụ cấp kiêm nhiệm (lên 100%); tăng mức khoán quỹ phụ cấp của Trung ương đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi đơn vị hành chính cấp xã và ở thôn, tổ dân phố. Đồng thời, quá trình tổ chức thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; nhiều địa phương, đơn vị đã có kiến nghị, đề xuất điều chỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Chủ tịch các hội đặc thù ở cấp xã; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng huyện, thị xã, thành phố; chức danh người hoạt động không chuyên trách; chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (mức phụ cấp, mức thù lao, mức hỗ trợ hàng tháng; mức phụ cấp kiêm nhiệm...); mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 3 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Nguồn khoán quỹ phụ cấp của Trung ương theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và nguồn ngân sách tỉnh.

15. Nghị quyết tán thành chủ trương thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 -

2030; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại V; Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại V.

- *Sự cần thiết:* Để phát huy tiềm năng, vị trí, vị thế; lan tỏa quá trình phát triển, quá trình đô thị hóa của huyện; hình thành các trung tâm, đô thị động lực góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

- Thành lập thị trấn Hà Long trên cơ sở toàn bộ 48,41 km² diện tích tự nhiên và 10.679 người của xã Hà Long.

- Thành lập thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở toàn bộ 24,09 km² diện tích tự nhiên và 8.598 người của xã Hà Lĩnh.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Tán thành chủ trương thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 6 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

16. Nghị quyết tán thành chủ trương thành lập thị trấn Tiên Trang thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14, ngày 16/10/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thanh Hóa; Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị quyết số 58-NQ/TW, ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 13/NQ-CP, ngày 3/2/2021 của Chính phủ về chương trình, kế hoạch hành động xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 5445/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương đến năm 2045;

Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc đính chính, hiệu chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

- *Sự cần thiết*: Việc thành lập thị trấn Tiên Trang thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là cần thiết, tạo điều kiện cho phát triển tối đa các tiềm năng và lợi thế sẵn có, thu hút đầu tư phát triển của địa phương.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

- Đối tượng: Xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi: Toàn bộ diện tích tự nhiên xã Tiên Trang với tổng diện tích tự nhiên 1.033,32 ha, với 2.748 hộ, 11.648 người và có 12 thôn. Phía Bắc giáp xã: Quảng Thái, Quảng Lộc, Quảng Bình; phía Nam giáp Quảng Thạch, Quảng Nham; phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Quảng Khê.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Tán thành chủ trương thành lập thị trấn Tiên Trang thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý IV năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

17. Nghị quyết về việc đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý*: Luật Quy hoạch đô thị số ngày 17/6/2009; Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa; Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND, ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035.

- *Sự cần thiết*: Trên địa bàn thị trấn Sơn Lư có nhiều đường phố được sử dụng ổn định, phù hợp với Quy hoạch chung của thị trấn, đã được UBND tỉnh

phê duyệt tại Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 24/8/2022, đủ điều kiện đặt tên nhưng chưa được đặt tên một cách khoa học và được cấp thẩm quyền cho phép, điều đó dẫn đến khó khăn trong việc kê khai hành chính, giao dịch, tìm kiếm địa chỉ của người dân. Nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ, phục vụ cho việc giao dịch, giao lưu, tạo điều kiện cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần chỉnh trang diện mạo đô thị. Đồng thời giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào của Nhân dân về những danh nhân, anh hùng, các địa danh, sự kiện lịch sử tiêu biểu. Đặc biệt là sự ghi nhận, tôn vinh những đóng góp của các danh nhân đối với quá trình hình thành và phát triển của huyện Quan Sơn nói chung, thị trấn Sơn Lư nói riêng. Vì vậy, việc lập Đề án đặt tên đường phố trên địa bàn thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa là rất cần thiết, phù hợp với sự phát triển của đô thị.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 6 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

18. Nghị quyết về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh năm 2024

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Đất đai năm 2013; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch Luật Lâm nghiệp năm 2017; Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Luật Đất đai; Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sự cần thiết:

+ Việc chấp thuận danh mục công trình dự án phải thu hồi đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng làm căn cứ để phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và quyết định thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

+ Việc chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa làm căn cứ tính tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa và thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê để thực hiện dự án có sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

+ Việc chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng làm căn cứ để xác định nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5, Luật Đất đai khi nhà nước thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Chấp thuận việc thực hiện các công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024 mà phải thu hồi đất; Chấp thuận việc chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện các công trình dự án

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Trung tuần của tháng cuối các Quý năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

19. Nghị quyết về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010; Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định: “*Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức*

thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Ban hành quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý I năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

20. Nghị quyết về việc bãi bỏ tiết 1.7.2 điểm 1.7 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh)

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- *Căn cứ pháp lý:* Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 17190/UBND-NN ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh.

- *Sự cần thiết:* Tại tiết 1.7.2 điểm 1.7 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa) quy định: *Mức hỗ trợ cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP: 20 triệu đồng/sản phẩm OCOP 3 sao, 40 triệu đồng/sản phẩm OCOP 4 sao, 80 triệu đồng/sản phẩm OCOP 5 sao.*

Tuy nhiên, ngày 15/8/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, điểm h khoản 2 Điều 87 quy định "*Mức chi các giải thưởng đạt 5 sao, 4 sao, 3 sao tương ứng với 15 triệu đồng/giải; 10 triệu*

đồng/giải; 8 triệu đồng/giải...". Chiếu theo các quy định nêu trên thì mức chi cho sản phẩm OCOP đạt sao được công nhận giữa Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh so với Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là có sự khác nhau. Do đó, việc bãi bỏ nội dung hỗ trợ cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP theo quy định tại tiết 1.7.2 điểm 1.7 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh) là cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Đối tượng, phạm vi áp dụng của Nghị quyết: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia sản xuất các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Bãi bỏ nội dung hỗ trợ cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP theo quy định tại tiết 1.7.2 điểm 1.7 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý I năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Theo quy định hiện hành.

21. Nghị quyết về việc ban hành chính sách hỗ trợ các sản phẩm đạt chuẩn OCOP thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND, ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; Công văn số 17190/UBND-NN ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh.

Tại khoản 2 Điều 127 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 có quy định “*Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định*

theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình”.

- *Sự cần thiết:* Ngày 15/8/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, quy định "Mức chi các giải thưởng đạt 5 sao, 4 sao, 3 sao tương ứng với 15 triệu đồng/giải; 10 triệu đồng/giải; 8 triệu đồng/giải. Vì vậy, từ năm 2024 việc thực hiện chính sách thưởng cho sản phẩm OCOP đạt sao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa sẽ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TTBTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; tuy nhiên, mức chi các giải thưởng cho các sản phẩm OCOP thấp. Vì vậy việc ban hành chính sách hỗ trợ các sản phẩm đạt chuẩn OCOP thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá để hỗ trợ thêm cho các sản phẩm đạt chuẩn OCOP bằng nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh là cần thiết.

b) Đối tượng, phạm vi của Nghị quyết: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và hộ gia đình sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể, bao gồm: Các đối tượng trên và các hội/hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Hỗ trợ thêm cho các sản phẩm OCOP được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận sản phẩm OCOP 5 sao, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP 4 sao và Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý I năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành: Từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách Trung ương.

22. Nghị quyết về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các Quyết định của Thủ

tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025, số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình MTQG; các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 256/2022NQ-HĐND ngày 13/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, số 300/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022, số 367/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022.

- *Sự cần thiết*: Căn cứ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở đề xuất của các địa phương; các ngành, đơn vị cấp tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật hiện hành xây dựng phương án phân bổ vốn báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua, làm cơ sở phân bổ cho các địa phương triển khai thực hiện các nội dung/dự án trên địa bàn, góp phần hoàn thành các tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết*: Các địa phương thuộc đối tượng được hỗ trợ nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết*: Phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (gồm: Nội dung/danh mục dự án, chủ đầu tư, mức vốn hỗ trợ).

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua*: Căn cứ tình hình thực tế, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh sẽ tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành tại các kỳ họp HĐND tỉnh năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết*: Từ nguồn ngân sách Trung ương.

23. Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ trong nông nghiệp cho Viện Nông nghiệp Thanh Hoá

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết*:

- *Căn cứ pháp lý*: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của

Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi Khoản 3 Điều 2 Quyết định 664/QĐ-TTg về thành lập Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.

- *Sự cần thiết*: Để đảm bảo lộ trình hoạt động theo cơ chế tự chủ đảm bảo chi thường xuyên từ năm 2025 tại Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời đảm bảo các quy định về đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên làm cơ sở để đơn vị được thực hiện đặt hàng các nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm, nhằm đảm bảo nguồn lực cho đơn vị thực hiện nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tạo đột phá trong nông nghiệp, đóng góp vào sự phát triển bền vững nền nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

b) *Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết*: Ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, công nghệ sinh học, khoa học đất nông nghiệp, Nghiên cứu chính sách, xúc tiến thương mại và cơ sở dữ liệu về nông nghiệp.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua*: Quý IV năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, đảm bảo cho việc thi hành*: Nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công được bố trí từ nguồn sự nghiệp kinh tế chi thường xuyên hằng năm của tỉnh.

24. Nghị quyết về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết*:

- *Căn cứ pháp lý*: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Nghị quyết số

90/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Thông báo kết luận số 16-KL/TU ngày 30/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- *Sự cần thiết*: Trong những năm qua, với tốc độ đô thị hóa nhanh, số lượng đường, phố và công trình công cộng được quy hoạch, đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh ngày càng nhiều; ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh đã được ban hành chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác, sử dụng để đặt tên đường, phố và công trình công cộng của các địa phương trong tỉnh. Bên cạnh đó, một số đường, phố và công trình công cộng đã được HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết đặt tên nhưng các tên này chưa có trong Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; một số tên trong Ngân hàng tên của tỉnh đã được ban hành có tóm tắt lý lịch chưa chính xác, đầy đủ, được Ban Biên soạn và địa phương đề nghị điều chỉnh... Do vậy, việc rà soát, sửa đổi, cập nhật, bổ sung Ngân hàng tên trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, giao nhiệm vụ tại Thông báo kết luận số 16-KL/TU ngày 30/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) *Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh*: Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

c) *Nội dung chính của Nghị quyết*: Sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua*: Quý I năm 2024.

e) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành*: Từ nguồn ngân sách nhà nước.

25. Nghị quyết về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2025 - 2030

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết*:

- *Căn cứ pháp lý*: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- *Sự cần thiết*: Để khai thác tốt các giá trị tiềm năng, tăng cường nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động du lịch tỉnh Thanh Hoá, kịp thời hỗ trợ những khó khăn cho tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch bị ảnh hưởng dịch Covid-19 trong thời gian qua, thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2030 theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/11/2017, việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa là cần thiết.

b) *Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết*: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong giai đoạn 2025 - 2030.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết*: Ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư mới hoặc nâng cấp, cải tạo nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn phục vụ kinh doanh dịch vụ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay); chính sách hỗ trợ doanh nghiệp lữ hành đưa khách du lịch đến Thanh Hóa; chính sách hỗ trợ phát triển du lịch xanh, du lịch bền vững; chính sách hỗ trợ tham gia các sự kiện xúc tiến du lịch trong và ngoài nước.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua*: Quý IV năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết*: Từ nguồn ngân sách nhà nước.

26. Nghị quyết về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết*:

- *Căn cứ pháp lý*: Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Thể dục, thể thao (2006) và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thể dục, thể thao (2018); Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn,

thi đấu; Nghị định số 36/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao và vận động viên thể thao thành tích cao; Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58- NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt Đề án "Phát triển thể dục thể thao của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

- *Sự cần thiết*: Thời gian vừa qua, các huấn luyện viên, vận động viên luôn yên tâm nỗ lực phấn đấu, cống hiến trong tập luyện và giành nhiều thành tích cao trong thi đấu, mang vinh quang về cho quê hương. Tuy nhiên, so với một số tỉnh, thành, ngành có cạnh tranh thứ hạng với Thanh Hóa thì các chế độ, chính sách đặc thù, đãi ngộ huấn luyện viên, vận động viên tài năng của tỉnh và thu hút về huấn luyện, thi đấu cho tỉnh ta đang còn nhiều hạn chế. Trong giai đoạn 2012 - 2023, ngoài chế độ dinh dưỡng hàng ngày và chính sách khen thưởng thì các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thu hút đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh chưa được xây dựng, ban hành; đặc biệt là chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tham gia các đội tuyển quốc gia.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết*: Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu cho các đội tuyển thể thao tỉnh Thanh Hóa theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết*: Ban hành các chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập trung vào các đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia; chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa: chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên bóng chuyền nữ Thanh Hóa.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua*: Quý III năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết*: Từ nguồn ngân sách nhà nước.

27. Nghị quyết ban hành quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết:

- Quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Tại khoản 2 Điều 4 và tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (dịch vụ thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế và dịch vụ không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu) trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc địa phương quản lý và quyết định mức giá cụ thể hoặc thực hiện áp giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh...*”; “*Sở Y tế chủ trì, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thanh toán BHYT nhưng không phải là đối tượng khám chữa bệnh theo yêu cầu và thời điểm thực hiện đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương*”.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm: Khung giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe; khung giá dịch vụ ngày giường bệnh; khung giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm; bổ sung ghi chú của một số dịch vụ kỹ thuật đã được Bộ Y tế xếp tương đương.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý II năm 2024

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

28. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

- *Sự cần thiết ban hành*: Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

b) *Đối tượng và phạm vi điều chỉnh*: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

c) *Các nội dung chính của Nghị quyết*: Thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) *Thời gian dự kiến trình HĐND thông qua*: Quý IV năm 2024.

29. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết*:

- *Căn cứ pháp lý*: Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành*: Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

b) *Đối tượng và phạm vi điều chỉnh*: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

c) *Các nội dung chính của Nghị quyết*: Thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua*: Quý II năm 2024.

30. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành:* Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

b) Đối tượng và phạm vi điều chỉnh: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hoá.

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý IV năm 2024.

31. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hoá, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành:* Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hoá, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

b) Đối tượng và phạm vi điều chỉnh: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hoá, huyện Hoằng Hoá.

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hoá, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng

đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý IV năm 2024.

32. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành:* Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

b) Đối tượng và phạm vi điều chỉnh: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý II năm 2024.

33. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch mở rộng phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành:* Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt mở rộng quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

b) Đối tượng và phạm vi điều chỉnh: Đồ án mở rộng quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Thông qua đồ án quy hoạch mở rộng phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý II năm 2024.

34. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch điều chỉnh, mở rộng phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp luyện kim, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành:* Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp luyện kim, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

b) Đối tượng và phạm vi điều chỉnh: Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp luyện kim, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Thông qua đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp luyện kim, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, đánh giá môi trường chiến lược.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý IV năm 2024.

35. Nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý*: Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- *Sự cần thiết ban hành*: Nghị quyết ban hành làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

b) *Đối tượng và phạm vi điều chỉnh*: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

c) *Các nội dung chính của Nghị quyết*: Thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính như sau: Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch; mục tiêu; tính chất, chức năng; quy mô lao động; cơ cấu sử dụng đất; tổ chức không gian; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: san nền, thoát nước mưa, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hạ tầng viễn thông thụ động, Đánh giá môi trường chiến lược.

d) *Thời gian dự kiến trình HĐND thông qua*: Quý II năm 2024.

36. Nghị quyết phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3)

a) *Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết*

- *Căn cứ pháp lý*: Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách

địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 370/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 (đối với những nguồn vốn chưa chi tiết đến danh mục, đơn vị) và năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- *Sự cần thiết ban hành:*

+ Theo quy định tại Khoản 2, Điều 62 Luật đầu tư công: “*Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới*”; và Khoản 2, Điều 83 Luật đầu tư công “*2. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu*”

+ Tại Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022, Nghị quyết 370/NQ-HĐND ngày 24/3/2023, HĐND tỉnh đã phân bổ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 chi tiết đến các nội dung, danh mục dự án là 1.181.125 triệu đồng; còn lại chưa giao chi tiết đến nội dung, danh mục dự án là 53.785 triệu đồng (vốn của Dự án 1 thuộc các nội dung: hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, lý do: chưa có định mức đất ở, đất sản xuất nên chưa có cơ sở rà soát các hộ có nhu cầu hỗ trợ, do đó chưa có cơ sở để phân bổ nguồn vốn).

Từ những nội dung trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3) là thực sự cần thiết.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:* Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3).

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3).

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý I năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Từ nguồn vốn trung ương.

37. Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- *Căn cứ pháp lý:* Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- *Sự cần thiết ban hành:* Theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định dự toán thu

ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh hóa “*đối với các Chương trình mục tiêu Quốc gia sau khi có quyết định bổ sung kinh phí của Trung ương, giao UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ các Chương trình mục tiêu Quốc gia; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định*”.

Từ những nội dung trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2024 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa là thực sự cần thiết.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Các nội dung chính của Nghị quyết: Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2024 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Quý I năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2024 bổ sung cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa.

38. Nghị quyết phân bổ sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- *Căn cứ pháp lý:* Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021

của Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- *Sự cần thiết ban hành:* Theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh hóa “*đối với các Chương trình mục tiêu Quốc gia sau khi có quyết định bổ sung kinh phí của Trung ương, giao UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ các Chương trình mục tiêu Quốc gia; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định*”.

Từ những nội dung trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2024 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa là thực sự cần thiết.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:* Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua:* Quý I năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành:* Từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 bổ sung cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm tỉnh Thanh hóa.

39. Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm đối với một số nhóm đối tượng đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý

a) Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- *Căn cứ pháp lý:* Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, tại khoản 2 Điều 4 Nghị định quy định: “*Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác*”; đồng thời, tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định quy định: “*Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội*”.

- *Sự cần thiết ban hành:* Căn cứ vào tình hình thực tế công tác chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh, khả năng cân đối nguồn kinh phí theo Công văn số 954/LĐTBXHKHTC ngày 29/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Công văn số 13854/UBND-VX ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh và Công văn số 6578/STCNSHX ngày 31/10/2023 của Sở Tài chính, thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ tiền ăn thêm đối với một số nhóm đối tượng đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

b) *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:* Đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa quản lý và đối tượng trẻ em Làng trẻ em SOS Thanh Hóa.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết:* Quy định mức hỗ trợ tiền ăn thêm ngày Lễ, Tết đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa quản lý và mức hỗ trợ cấp bù tiền ăn hằng tháng đối với trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS Thanh Hóa.

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua:* Quý I năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:* Từ nguồn ngân sách tỉnh.

40. Nghị quyết quy định mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo đối với từng nhóm đối tượng tham gia chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) *Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:*

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức

chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014; căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- *Sự cần thiết ban hành:* Theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 thì HĐND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Như vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đào tạo đối với từng nhóm đối tượng tham gia chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

c). *Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:* Người trong độ tuổi lao động theo quy định, cư trú thường trú trên địa bàn tỉnh, có sức khỏe phù hợp với nghề cần học và tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) *Nội dung chính của Nghị quyết:* Quy định mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho từng nghề (khoảng hơn 100 nghề).

d) *Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua:* Quý I năm 2024.

đ) *Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:* Từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách tỉnh và các nguồn khác.

41. Nghị quyết về việc thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

a) *Căn cứ và sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết:*

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Nhà ở; Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở; Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

- *Sự cần thiết ban hành:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1

Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021): “*Trường hợp do thay đổi nội dung Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia hoặc thay đổi quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc phải điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng nội dung điều chỉnh chương trình và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.*”. Do đó, việc ban hành Nghị quyết thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 là cần thiết và phù hợp với quy định nêu trên.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Thực trạng và nhu cầu nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; tình hình thực hiện công tác đầu tư và quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với một số nội dung chính (trên cơ sở đề cương nhiệm vụ lập điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 14/8/2023), cụ thể: Quan điểm phát triển nhà ở; mục tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về vốn; nhu cầu về diện tích; tổ chức thực hiện...;

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 6 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: Dự kiến từ nguồn ngân sách; nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở.

42. Nghị quyết về việc đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Thiệu Hóa và thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật Quy hoạch đô thị số ngày 17/6/2009; Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa; Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND, ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa.

- *Sự cần thiết ban hành:* Trong những năm qua, cùng với sự phát triển về

kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông trên địa bàn thị trấn Thiệu Hóa đã từng bước được đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới bảo đảm nhu cầu đi lại của người dân, từng bước làm thay đổi diện mạo của thị trấn Thiệu Hóa, góp phần tích cực vào quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thiệu Hóa. Tuy nhiên, các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Thiệu Hóa vẫn chưa có tên gọi cụ thể, gây không ít khó khăn cho công tác quản lý hành chính, quản lý đô thị và giao dịch của Nhân dân. Mặt khác, việc đặt tên đường là điều kiện cần thiết để tiếp tục khẳng định tôn vinh các giá trị lịch sử văn hóa dân tộc, tôn vinh các danh nhân văn hóa và cách mạng tiêu biểu của đất nước và huyện Thiệu Hóa đã có nhiều công lao cống hiến hy sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc suốt chiều dài lịch sử đất nước và địa phương; việc đặt tên đường cũng góp phần nâng tầm về vẻ đẹp thẩm mỹ quan đô thị, thể hiện sự phát triển về nét đẹp văn hóa đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển hiện nay và tương lai. Bên cạnh đó, việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Nghị quyết về việc thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, do đó, việc đặt tên đường phố trên thị trấn Hậu Hiền cho phù hợp với tình hình của địa phương là cần thiết.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Thiệu Hóa và thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Thiệu Hóa và thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 5 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

43. Nghị quyết về việc Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- *Sự cần thiết:* Làm cơ sở cho việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Quy định nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia học xóa mù chữ, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 6 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn vốn sự nghiệp được Trung ương phân bổ hằng năm trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021.

44. Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh ban hành Quy định danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:*

Luật ngân sách nhà nước; Luật giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục năm 2009; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định đối tượng, mức hỗ trợ, hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền, quy trình cấp phát và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban dân tộc; Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh

- *Sự cần thiết ban hành:* Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày

04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; theo đó, giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa có 21 xã đặc biệt khó khăn và 318 thôn đặc biệt khó khăn, giảm 79 xã và 398 thôn đặc biệt khó khăn so với giai đoạn 2016 - 2020. Nhiều thôn, xã đã sáp nhập, đặt tên mới sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính; do đó, cần thiết phải sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Quy định danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh cho phù hợp với quy định mới.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 6 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.

45. Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực; trẻ em, giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa

a) Căn cứ và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- *Căn cứ pháp lý:* Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- *Sự cần thiết:* Làm cơ sở cho việc thực hiện đúng các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, đảm bảo sự đồng bộ giữa các văn bản quản lý nhà nước có liên quan đến chính sách theo quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Cơ sở giáo dục mầm

non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Nội dung chính của Nghị quyết: Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực; trẻ em, giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

d) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh thông qua: Tháng 6 năm 2024.

đ) Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn ngân sách nhà nước.

Trên đây là danh mục các nội dung dự kiến trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết năm 2024, UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn